

Bản án số: 152/2024/HS-PT
Ngày 28/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 24 và 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 90/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Lê Minh H. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Minh H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Lê Minh H**, sinh năm: 1993, tại thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số B, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H1, sinh 1965 và con bà: Lý Thị T, sinh năm 1964; Tiền sự, tiền án: không; Tạm giữ: không; Tạm giam: từ ngày 21/11/2023 đến nay; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

*** Bị hại: Nguyễn Thị Rô L** - sinh năm: 1955.

Nơi cư trú: Số E, đường T, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thanh P** - sinh năm: 1962.

Nơi cư trú: Số F, đường P, Khóm D, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

(Bị cáo H có mặt; bị hại chị Rô L1 xin xử vắng mặt; người liên quan anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/11/2019 Lê Minh H ký hợp đồng chuyển nhượng đất của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị H2 và đã được đứng tên giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CU528926, số vào sổ cấp GCN: CS13612, thửa số 820, tờ bản đồ số 29, tổng diện tích là 87,9m², đất ở tại đô thị, tọa lạc: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/12/2019 và Lê Minh H đã thế chấp giấy trên cho người khác để vay tiền.

Đến khoảng đầu năm 2021 Lê Minh H đăng nhập vào mạng xã Facebook với tên là “Minh Hau” đặt thuê một người (không rõ họ tên, địa chỉ) làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với nội dung trên nhưng đề cấp ngày 23/10/2017, với giá 8.000.000 đồng, mục đích là thế chấp giấy giả này cho người khác để vay tiền.

Sau khi nhận được giấy giả Lê Minh H đến gặp Nguyễn Thanh P nhờ P giới thiệu người cho vay với thỏa thuận nếu vay được sẽ cho tiền hoa hồng.

Ngày 17/01/2022, Nguyễn Thanh P dẫn Lê Minh H đến Văn phòng C gặp và thỏa thuận lập hợp đồng vay của bà Nguyễn Thị Rô L số tiền 250.000.000 đồng, với lãi suất 03%/tháng và viết giấy tay ghi nội dung thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là giả đưa cho bà để thế chấp vay tiền. Bà Nguyễn Thị Rô L tin tờ giấy giả dùng để thế chấp là thật nên đồng ý đưa số tiền 250.000.000đ cho Lê Minh H vay.

Đến ngày 17/3/2022, H tiếp tục đến gặp và viết giấy tay vay thêm của bà L số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất 03%/tháng.

Tổng cộng H đã vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng,

Sau khi vay, H đóng lãi đến 8/2022 với số tiền 60.000.000 đồng, sau đó không đóng lãi nữa và bỏ trốn khỏi địa phương.

Bà Nguyễn Thị Rô L đến gặp Nguyễn Thanh P nhờ đi tìm H và đưa cho P số tiền 5.000.000 đồng là chi phí để đi tìm Lê Minh H.

Đến ngày 11/8/2023, bà Nguyễn Thị Rô L có đơn tố giác Lê Minh H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S, Lê Minh H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra bà Rô L1 giao nộp tài liệu gồm:

- + 01 giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CU528926, số vào sổ cấp GCN: CS13612, thửa số 820, tờ bản đồ số 29, tổng diện tích là 87,9m², đất ở tại đô thị, tọa lạc: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- + 01 hợp đồng vay tài sản, công chứng tại Phòng C1 ngày 17/01/2022, bản photo.

- + 01 hợp đồng mượn tiền có tài sản ghi ngày 17/01/2022, bản photo, viết tay.

- + 01 giấy biên nhận ghi ngày 17/3/2022 với nội dung H vay của bà L1 số tiền 50.000.000 đồng, bản photo, viết tay.

- + 01 biên nhận ghi ngày 17/3/2022 với nội dung H vay của bà L2 tổng cộng

số tiền 300.000.000 đồng, bản photo, viết tay.

+ 01 giấy căn cước công dân mang tên Lê Minh H, bản photo.

+ 03 đoạn Camera ghi nhận hình ảnh tại hộ số E, đường T, khóm T, phường A, thành phố S nội dung liên quan đến đơn tố giác của bà Nguyễn Thị Rô L.

Tại kết luận giám định số 1036/KL-KTHS ngày 21/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số bìa CU528926, số vào sổ cấp GCN: CS13612 gửi giám định là giả.

Tại bản kết luận giám định số 1119/KL-KTHS ngày 09/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

+ Ba tệp giữ liệu video lưu trong USB gửi giám định không bị chỉnh sửa, cắt, ghép về nội dung hình ảnh.

+ Đã trích xuất hình ảnh trước, trong và sau khi xảy ra vụ việc trong ba tệp dữ liệu video gửi giám định và in ra bản ảnh.

+ Đã sao chép ba tệp dữ liệu video ra đĩa DVD.

Đối với các giấy tờ:

+ 01 giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CU528926, số vào sổ cấp GCN: CS13612, thửa số 820, tờ bản đồ số 29, tổng diện tích là 87,9m², đất ở tại đô thị, tọa lạc: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

+ 01 hợp đồng vay tài sản, công chứng tại Phòng C1 ngày 17/01/2022, bản photo;

+ 01 hợp đồng mượn tiền có tài sản ghi ngày 17/01/2022, bản photo, viết tay;

+ 01 giấy biên nhận ghi ngày 17/3/2022 với nội dung H vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng, bản photo, viết tay;

+ 01 biên nhận ghi ngày 17/3/2022 với nội dung H vay của bà L tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng, bản photo, viết tay;

+ 01 giấy căn cước công dân mang tên Lê Minh H, bản photo

Về trách nhiệm dân sự:

+ Bà Nguyễn Thị Rô L yêu cầu Lê Minh H trả lại số tiền vay là 300.000.000 đồng, không tính lãi suất. Bị cáo Lê Minh H đồng ý bồi thường số tiền 300.000.000 đồng cho bà L.

+ Bị cáo Lê Minh H yêu cầu ông Nguyễn Thanh P trả lại số tiền huê 55.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Thanh P không thừa nhận có nhận số tiền 55.000.000 đồng; chỉ nhận hoa hồng của H số tiền 3.000.000 đồng và không đồng ý trả lại cho bị cáo H.

Tại phiên tòa bị cáo H không yêu cầu ông Nguyễn Thanh P trả lại số tiền huê hồng 55.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Rô L yêu cầu ông Nguyễn Thanh P trả lại số tiền 5.000.000

đồng bà L đưa cho P đi tìm H và 1.000.000 đồng tiền huê hồng P dẫn H đến vay số tiền 250.000.000 đồng. Tổng cộng: P nhận của bà L 6.000.000đ.

Ông Nguyễn Thanh P thừa nhận có nhận số tiền 6.000.000đ của bà L nhưng ông P không đồng ý trả lại số tiền 6.000.000đ cho bà L.

Tại phiên toà bà L không yêu cầu ông Nguyễn Thanh P trả lại số tiền huê hồng 6.000.000 đồng.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã quyết định:

+ Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: bị cáo Lê Minh H mức án 07 năm 06 tháng tù (*Bảy năm sáu tháng tù*). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 21/11/2023.

+ Căn cứ Điểm b Khoản 3 Điều 341; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh H phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: bị cáo Lê Minh H mức án 03 năm 06 tháng tù (*Ba năm sáu tháng tù*). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 21/11/2023.

+ Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mức án 07 năm 06 tháng tù (*Bảy năm sáu tháng tù*) và “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” mức án 03 năm 06 tháng tù (*Ba năm sáu tháng tù*). Buộc bị cáo Lê Minh H phải chấp hành chung hai tội là 11 năm tù (*Một năm tù*).

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 21/11/2023.

+ Về hình phạt bổ sung: không áp dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Bị cáo Lê Minh H bồi thường cho bà Nguyễn Thị Rô L số tiền 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

+ Lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CU528926, số vào sổ cấp GCN: CS13612, thửa số 820, tờ bản đồ số 29, tổng diện tích là 87,9m², đất ở tại đô thị, tọa lạc: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; 01 hợp đồng vay tài sản, công chứng tại Phòng C1 ngày 17/01/2022, bản photo; 01 hợp đồng mượn tiền có tài sản ghi ngày 17/01/2022, bản photo, viết tay; 01 giấy biên nhận ghi ngày 17/3/2022 với nội dung H vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng, bản photo, viết tay; 01 biên nhận ghi ngày 17/3/2022 với nội dung H vay của bà L2 tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng, bản photo, viết tay; 01 giấy căn cước công dân mang tên Lê Minh H, bản photo; 01 USB và đĩa DVD 03 đoạn Camera ghi nhận hình ảnh tại hộ số E, đường T, khóm T, phường A, thành phố Sa Đéc nội dung liên quan đến đơn tố giác của bà Nguyễn Thị Rô L

+ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Minh H nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngày 15/3/2024, bị cáo Lê Minh H kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 28/3/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị không áp dụng điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, giảm một phần hình phạt cho bị cáo về tội này.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Hậu bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Đ a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Điểm b Khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp; còn mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thì không áp dụng điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ cho bị cáo H một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh P vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

Các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều đúng với quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì đối với các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đơn kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H và kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua thẩm tra tại phiên tòa, bị cáo H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định:

Vào các ngày 17/01/2022 và ngày 17/3/2022, bị cáo H đã thực hiện hành vi sử dụng giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang đến hộ số 517, đường T, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp của bà Rô L1 để thế chấp vay tiền. Bà Rô L1 tin tưởng giấy giả dùng để thế chấp là thật nên đồng ý cho bị cáo H vay 02 lần, với số tiền tổng cộng 300.0000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại và hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo H là người đã thành niên nên bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật. Vì động cơ tư lợi, bị cáo H đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bà Rô L1, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để thế chấp cho bà Rô L1 chiếm đoạt số tiền 300.000.000đ tiêu xài cá nhân. Bị cáo H phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích tư lợi cá nhân. Hành vi của bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài

liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên theo điểm g, khoản 1, điều 52 của Bộ luật Hình sự để xem xét trong việc lượng hình đối với bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phù hợp.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật chưa đúng là: Đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”, nhưng xác định rằng bị cáo H chỉ dùng giấy tờ giả thế chấp vay tài sản của chị Rô L1 01 lần vào ngày 17/01/2022 và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội này là chưa phù hợp.

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát như sau: Không áp dụng điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Minh H.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh H mức án 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh H phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: bị cáo Lê Minh H mức án 03 (ba) năm tù.

3. Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội: Buộc bị cáo Lê Minh H phải chấp hành chung hai tội là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/11/2023.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Minh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tối cao (Vụ 1);
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- CCTHA-DS thành phố Sa Đéc;
- Cơ quan CS điều tra thành phố Sa Đéc;
- Cơ quan THAHS thành phố Sa Đéc;
- Sở Tư pháp;
- Cơ quan CS điều tra CA tỉnh ĐT;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh ĐT;
- Trại Tạm giam CA tỉnh ĐT; .
- Các bị cáo, đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thông